

BẢO ĐẢM QUYỀN ĐƯỢC SUY ĐOÁN VÔ TỘI CỦA BỊ CÁO TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ

HOÀNG ĐÌNH DŨNG*

“ Suy đoán vô tội vừa là nguyên tắc, vừa là quyền con người trong tố tụng hình sự. Để đạt được hiệu quả tối ưu khi thực hiện nguyên tắc này và hạn chế mức thấp nhất vi phạm, pháp luật đặt ra trình tự, thủ tục chặt chẽ buộc các cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện. Điều này thể hiện rõ nhất trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm hình sự.

”

*Từ khóa: Nguyên tắc suy đoán vô tội; quyền được suy đoán vô tội; xét xử.
Nhận bài: 23/3/2021; biên tập xong: 02/4/2021; duyệt bài: 09/4/2021.*

Quyền được suy đoán vô tội không được ghi nhận thành một điều luật riêng trong Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 mà được thể hiện thông qua nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội. Theo đó, “người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội được hiểu là: Người bị buộc tội sẽ được coi là người không có tội (suy đoán vô tội) cho đến khi tội của họ được chứng minh theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định và có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do BLTTHS quy định (khi có bất cứ sự không chắc chắn nào về lỗi của họ) thì người bị buộc tội sẽ phải được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng

* Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 4.

kết luận là không có tội (được giải thích theo hướng có lợi).

Như vậy, có thể thấy chủ thể của quyền được suy đoán vô tội là người bị buộc tội, còn chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm quyền này là cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Quyền này có được đảm bảo hay không không chỉ phụ thuộc vào cơ chế bảo đảm từ phía Nhà nước mà còn phụ thuộc vào việc áp dụng pháp luật của những chủ thể được trao quyền. Khi họ thực hiện tốt tất cả những quy định của pháp luật thì quyền con người cũng như các quyền khác của người bị buộc tội mới được đảm bảo một cách tối ưu. Với tư cách là cơ quan nhân danh Nhà nước thực hiện quyền xét xử thì chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền phán quyết, quyết định một người là có tội bằng bản án kết tội có hiệu lực. Vì vậy, để nguyên tắc này được thực hiện triệt để thì trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và giai đoạn xét xử phúc thẩm, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định rất chặt chẽ để đảm bảo thực hiện quyền này cho bị cáo.

1. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội của bị cáo trong giai đoạn xét xử sơ thẩm

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, quyền được suy đoán vô tội được thể hiện ngay trong quy định về thời hạn xét xử. Trong quá trình tố tụng tiền xét xử, rất nhiều trường hợp bị cáo bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Vì vậy, họ có quyền được xét xử không quá mức chậm trễ tại Tòa án. Tại Tòa án họ mới bị tuyên là có tội hay không có tội. Việc xét xử phải đảm bảo quyền được xét xử không được chậm trễ quá mức tại Tòa cho người bị buộc tội để từ đó kịp thời đưa ra bản án¹.

Đối với vấn đề tranh tụng tại phiên tòa, khoản 2 Điều 322 BLTTHS năm 2015 quy định: “Kiểm sát viên phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa”. Đây là trách nhiệm của bên buộc tội, phải tranh luận toàn diện, đầy đủ, bình đẳng với bên gỡ tội. Việc cho phép các bên tranh tụng đã thể hiện rất rõ việc đảm bảo quyền được suy đoán vô tội cho người bị buộc tội: Quá trình tố tụng từ khởi tố, điều tra, truy tố cho đến phiên tòa hình sự chưa cho phép khẳng định một người là có tội thì mới tồn tại việc tranh tụng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Suy đoán vô tội là cơ sở cho việc tranh tụng và tranh tụng đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội.

Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, trách nhiệm chứng minh thuộc về cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bị cáo có quyền nhưng không có nghĩa vụ chứng minh tội của mình. Để đảm bảo quyền chứng minh mình vô tội, BLTTHS năm 2015 đã quy định cho bị cáo quyền nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử (được biết mình bị xét xử vì tội gì để chuẩn bị cho việc bào chữa); quyền bào chữa; quyền được tham gia phiên tòa và chỉ được xét xử vắng mặt bị cáo khi đáp ứng đủ những điều kiện luật định... Đồng thời, khi tham gia phiên tòa, bị cáo là người được tại ngoại và bị cáo đang bị tạm giam được sử dụng thường phục nhưng phải đảm bảo sự trang nghiêm còn bị cáo là người đang chấp hành

1. Lê Thị Ngọc Hà, *Bảo vệ quyền con người thông qua nguyên tắc suy đoán vô tội theo Hiến pháp Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, tr.77.

án phạt tù khi ra phiên tòa sử dụng trang phục dành riêng cho họ theo quy định của Chính phủ². Như vậy, thông qua hình thức là bộ trang phục mà người đó mặc cũng giúp phân biệt rõ ràng giữa người có tội và bị cáo.

Về trình tự xét hỏi, Điều 307 BLTTHS năm 2015 quy định: “Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý”.

Quy định trên đã khắc phục được hạn chế của Điều 207 BLTTHS năm 2003 quy định chủ tọa phiên tòa hỏi trước, rồi đến các Hội thẩm nhân dân, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Hội đồng xét xử không có vai trò hỏi chính tại phiên tòa như quy định của pháp luật hiện hành mà việc xét hỏi tại phiên tòa chủ yếu thuộc trách nhiệm của bên buộc tội (Kiểm sát viên) và bên gỡ tội (người bào chữa). Tòa án phải thật sự trở thành trọng tài đứng giữa hai bên, có thái độ khách quan, vô tư khi xem xét, đánh giá chứng cứ và quan điểm các bên đưa ra tại phiên tòa. Có như vậy, Hội đồng xét xử mới không phụ thuộc vào quan điểm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thể hiện trong hồ sơ vụ án và kết luận của Hội đồng xét xử tại phiên tòa mới đảm bảo sự chính xác; xét xử đúng người, đúng tội, hạn chế oan sai. Với quy định của BLTTHS năm 2015, Hội đồng xét xử đã chủ động điều hành việc xét hỏi tại phiên tòa, tạo

điều kiện cho việc đưa ra những chứng cứ, lý lẽ cho việc gỡ tội, khắc phục hạn chế của BLTTHS năm 2003.

Đối với việc nghị án, điểm b khoản 3 Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định:

“3. Các vấn đề của vụ án phải được giải quyết khi nghị án gồm:

...b) Tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do Luật sư, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp”. Vấn đề này đã cụ thể hóa nội dung: “Người bị buộc tội không bị coi là có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật”, trong việc khẳng định các chứng cứ dùng để buộc tội phải được thu thập và đánh giá theo luật định.

Khoản 4 Điều 326 BLTTHS năm 2015 quy định: “... Nếu có căn cứ xác định bị cáo không có tội thì Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không có tội...”. Dù không quy định rõ căn cứ này là gì, nhưng có thể hiểu theo nghĩa rộng là trong trường hợp mọi nghi ngờ khi giải thích và áp dụng pháp luật đều phải theo hướng có lợi cho bị cáo.

Trường hợp bị cáo không phạm tội thì phải giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Khi một người được tha bổng vì không có tội thì mọi biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự được áp dụng trước đó đối với họ phải được hủy bỏ³. Chính vì vậy, Điều 328 BLTTHS năm 2015 quy định Hội đồng xét

2. Điều 1 Nghị quyết số 743/2004/NQ-UBTVQH quy định về trang phục của bị cáo tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

3. Tiến sĩ Nguyễn Thành Long, *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr.134.

xử phải tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo trong trường hợp bị cáo không có tội đang bị tạm giam nếu họ không bị tạm giam vì một tội khác.

Nguyên tắc suy đoán vô tội cũng chỉ rõ: Khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì bị can, bị cáo không được coi là có tội. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của bản án đối với quá trình tố tụng hình sự cũng có ý nghĩa đối với việc đảm bảo quyền được suy đoán vô tội. Bản án hình sự là hình thức pháp lý của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự và tố tụng hình sự chỉ do Tòa án ban hành trong đó tuyên bố một người phạm tội hoặc không phạm tội. Vì bản án không dựa trên những chứng cứ giả định nên mọi quyết định của Tòa án trong bản án sẽ dựa trên những chứng cứ thu thập một cách khách quan, đầy đủ, hợp pháp, toàn diện trong tất cả các giai đoạn tố tụng và phải được đưa ra xem xét, đánh giá công khai, dân chủ, bình đẳng tại phiên tòa.

2. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội của bị cáo trong giai đoạn xét xử phúc thẩm

Nguyên tắc suy đoán vô tội cũng được thể hiện rất rõ từ việc quy định hiệu lực bản án, quyết định sơ thẩm sẽ chưa có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên mà phải đến khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà chủ thể có quyền kháng cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị thì khi đó bản án, quyết định sơ thẩm mới có hiệu lực pháp luật. Như vậy, nếu một người bị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên có tội thì quyền được suy đoán vô tội của họ vẫn được ghi nhận và đảm bảo trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Việc đảm bảo quyền được suy đoán vô tội của bị cáo được thể hiện qua quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 BLTTHS năm 2015: “Bị cáo có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, bị kháng nghị nếu vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Hội đồng xét xử có thể vẫn tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án, quyết định không có lợi cho bị cáo...”. Nếu sự vắng mặt của bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và sự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Vì trong thực tiễn, việc Tòa án cấp phúc thẩm có những quyết định khác với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là việc hoàn toàn có thể xảy ra. Tuy nhiên, cũng có trường hợp quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng nhưng quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm lại sai. Chính vì vậy, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm sẽ đem lại những bất lợi nhất định cho bị cáo nhất là trong trường hợp họ có thể phải đối mặt với những bản án, quyết định không có lợi cho mình. Đây là quy định giúp cho bị cáo có thể dự phiên tòa để bảo vệ một cách tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình⁴.

Điều 359 BLTTHS năm 2015 quy định Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ vụ án nếu xác định được một trong các căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 157 BLTTHS năm

4. Ngô Thị Vân Anh, *Bảo đảm quyền được suy đoán vô tội của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự*, Kỷ yếu hội thảo về đảm bảo quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự, Đại học Luật Hà Nội, năm 2018, tr.20.

2015 đó là: Không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm. Quy định này một lần nữa khẳng định bị cáo được coi là không có tội khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án.

3. Một số đề xuất, kiến nghị

Thứ nhất, về quy định “trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội...” (Điều 15 BLTTHS năm 2015) về nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Tuy nhiên, theo tác giả, vấn đề này là một phần nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội⁵. Vì vậy, cần đưa quy định này về đúng vị trí của nó là nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội. Mặt khác, theo quy định tại Điều 34 BLTTHS năm 2015, thì cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Như vậy thì Tòa án cũng là cơ quan có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Theo tác giả, quy định như vậy chưa thực sự đảm bảo quyền cho người bị buộc tội, nên để Tòa án thực hiện đúng chức năng xét xử, là “trọng tài” công minh giữa bên buộc tội và gỡ tội để đưa ra phán quyết khách quan, đúng người, đúng tội. Có như vậy, người bị buộc tội mới có cơ hội để bảo vệ quyền lợi của mình trước Tòa án trên cơ sở được bảo đảm quyền tranh tụng công khai, bình đẳng trước Hội đồng xét xử. Đồng thời, ngoài việc giữ nguyên quy định bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là

mình vô tội, cần bổ sung quy định người bị tạm giữ cũng là chủ thể có quyền chứng minh mình vô tội. Bởi vì, thực tế cho thấy đa số đối tượng bị tạm giữ là người có khả năng bị buộc tội trong quá trình giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, nếu quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm chỉ thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát như hiện nay cũng chưa thực sự phù hợp. Bởi lẽ, không chỉ có Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền điều tra mà còn có các cơ quan khác không phải là Cơ quan điều tra cũng có thẩm quyền này⁶. Một số cơ quan khi được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng có quyền khởi tố vụ án và tiến hành một số hoạt động điều tra ban đầu. Như vậy, những cơ quan này là cũng là những chủ thể buộc tội bị cáo và nên quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm cho các cơ quan này.

Thứ hai, theo tác giả nên bỏ quy định Hội đồng xét xử có quyền khởi tố vụ án tại khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015: “Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm”. Bởi lẽ quyền hạn này không phù hợp với thẩm quyền của Tòa án. Chức năng chính của Tòa án là chức năng xét xử và đưa ra bản án cuối cùng giải quyết vụ án. Tòa án tự mình khởi tố một vụ án và rồi lại tự mình xét xử vụ án - điều này sẽ dẫn đến một hệ quả như sau: Nếu có dấu hiệu tội phạm, có người phạm tội thật thì việc Tòa án quyết

5. Xem: Tiến sĩ Phạm Mạnh Hùng (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Lao động, năm 2018, tr.32.

6. Xem Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

định khởi tố là đúng, với việc điều tra của Cơ quan điều tra hay Viện kiểm sát; nhưng nếu đó là bản án trắng, tức là không có tội phạm hay người phạm tội thì Tòa án sẽ phải tuyên án trắng chính vụ án mà mình đã khởi tố. Điều này còn dễ dàng dẫn đến hiện tượng, Tòa án muốn bảo vệ quan điểm khởi tố ban đầu của mình, và đương nhiên nó sẽ không còn vô tư, khách quan trong quá trình xét xử nữa⁷. Việc duy trì chức năng này nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích cơ bản của công dân, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm trong quá trình điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Tuy nhiên, không nên quy định thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự trực tiếp cho Hội đồng xét xử, mà chỉ nên quy định nếu trong quá trình xét xử, có tội phạm hay người phạm tội mới cần điều tra thì Hội đồng xét xử sẽ đề nghị Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án. Điều này vừa đảm bảo sự vô tư, khách quan trong xét xử, vừa phù hợp hơn với chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn tiếp theo của tố tụng hình sự. Vì vậy, theo quan điểm của tác giả, cần sửa đổi quy định trên như sau: “*Hội đồng xét xử đề nghị Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*”.

Thứ ba, hiện nay Điều 88 BLTTHS năm 2015 quy định theo hướng tất cả các cơ quan tiến hành tố tụng đều có quyền thu thập chứng cứ. Theo tác giả, nên quy định việc thu thập chứng cứ là quyền độc lập và

bình đẳng của bên buộc tội (cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát) và bên gỡ tội (người bào chữa). Tòa án với tư cách là cơ quan thực hiện chức năng xét xử không thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm mà chỉ thực hiện thẩm quyền thẩm tra, đánh giá, chấp nhận, sử dụng chứng cứ mà hai bên đưa ra để kết tội hay không kết tội bị cáo tại phiên tòa. Để Tòa án thực hiện đúng chức năng xét xử, tránh làm thay cơ quan công tố trong việc chứng minh tội phạm và trở thành chủ thể buộc tội, cần bãi bỏ căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015. Khi đó, Tòa án chỉ trả hồ sơ khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà không trả hồ sơ để yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ buộc tội⁸.

Thứ tư, cần bổ sung vào BLTTHS điều luật quy định căn cứ để Hội đồng xét xử ra bản án, quyết định khi xét xử tại phiên tòa hoặc bổ sung vào Điều 299 BLTTHS năm 2015 quy định về việc ra bản án, quyết định của Tòa án với nội dung “*Hội đồng xét xử chỉ được căn cứ hoặc chủ yếu căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa xét xử để ra bản án*”. Quy định như vậy sẽ bảo đảm quyền độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, làm cho Tòa án thực sự trở thành trọng tài điều khiển, chứng kiến việc tranh tụng của bên buộc tội và bên gỡ tội để ra bản án khách quan, đúng luật định, phù hợp với chủ trương cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay.□

7. Nguyễn Thị Thu Trà, “*Những bất cập trong thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự của Tòa án*”, Công thông tin điện tử Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

8. Vũ Gia Lâm, *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Luật học số 1, năm 2014, tr.42.